

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 15/2024/HS-PT
Ngày: 06-3-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Châu Hoàng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2023/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Châu Hoàng N, sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: viên chức dân số; trình độ văn hóa: lớp 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Châu Văn G và bà Trương Kim N1; vợ: Trần Thị Trúc Q; con: có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/12/2020, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh H chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp nhận, thụ lý vụ việc có dấu hiệu của tội phạm “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” xảy ra trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Quá trình xác minh, điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B thu thập được chứng cứ chứng minh Châu Hoàng N có hành vi mua Chứng chỉ tiếng Anh giả cho bản thân và nhiều người khác đồng thời

còn sử dụng tài liệu giả này nhiều lần với nhiều mục đích khác nhau như: Giao nộp cho Trường Đại học T2 để được xét công nhận tốt nghiệp, giao nộp cho Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện C để được chuyển ngạch viên chức lên chuyên viên và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Dân số viên hạng III, giao nộp cho Trung tâm y tế huyện C để được xét tuyển dụng lại viên chức.

Kết quả làm việc Châu Hoàng N đã giao nộp 01 Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B và thu giữ 03 Chứng chỉ tiếng Anh mà N đã mua cho những người khác, qua giám định xác định các Chứng chỉ này là giả. Nhận thấy, hành vi của Châu Hoàng N có dấu hiệu của tội phạm “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 1999 vì vậy ngày 19/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra đã xác định năm 2010, Châu Hoàng N là Cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình xã S, huyện C đang theo học lớp liên thông đại học do Trường đại học T2 mở dạy tại tỉnh Bến Tre và có tham gia học lớp tiếng Anh ở Trung tâm dạy nghề huyện C, tại đây do N quen biết trước với Trần Trọng T là cán bộ của Trung tâm dạy nghề huyện C, T có nói với N là có quen biết người có thể làm Chứng chỉ tiếng Anh mà không phải đi học, đi thi. Nghe vậy, N đã gửi hồ sơ cá nhân của mình và của Đỗ Thị Kim O (hiện là kế toán Trường Tiểu học S) cho T gồm bản photo giấy chứng minh nhân dân, ảnh 3x4cm và số tiền khoảng 1.000.000 đồng. Sau khi nhận hồ sơ cá nhân của N và bà O, T đã gửi hồ sơ qua bưu điện cho một người tên P (không rõ lai lịch). Khoảng 01 tháng sau, T nhận được Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B của N và bà O qua đường bưu điện, sau đó T đưa 02 Chứng chỉ cho N, N đưa Chứng chỉ cho O.

Sau đó đến năm 2011, Võ Văn Thanh T1, Trần Thị Hồng N2 cũng cần có Chứng chỉ tiếng Anh mà không phải đi học, đi thi nên đã hỏi Trương Thanh L thì biết đến N, sau đó T1 và N2 đã chuẩn bị hồ sơ cá nhân như trên đưa cho L để chuyển cho Trương Thanh A (em ruột của L, công tác chung với N), A đưa hồ sơ cho N, sau khi nhận được hồ sơ của T1 và N2, N còn nhận thêm hồ sơ của một người bạn tên K (không rõ lai lịch), sau đó N gửi hồ sơ của T1, N2 và K cho T, T gửi hồ sơ cho P để làm Chứng chỉ tiếng Anh.

Sau khi có được Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B, cuối năm 2011, N nộp bản sao Chứng chỉ này cho Trường Đại học T2 để được xét công nhận tốt nghiệp; năm 2012, N nộp bản sao Chứng chỉ cho Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện C được chuyển ngạch viên chức lên chuyên viên; năm 2016, N nộp bản sao Chứng chỉ tiếng Anh cho Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện C để được bổ nhiệm

chức danh Dân số viên hạng III; năm 2020, N nộp bản sao Chứng chỉ tiếng Anh cho Trung tâm Y tế huyện C để được Sở Y tế tỉnh B xét tuyển dụng lại viên chức.

Theo Kết luận giám định số 353/2022/KL-KTHS ngày 06/9/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

- Chữ ký mang tên Bạch Văn H trên 02 Chứng chỉ tiếng Anh mang tên Châu Hoàng N và Đỗ Thị Kim O so với chữ ký mang tên Bạch Văn H trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Kim H1 trên 02 Chứng chỉ tiếng Anh mang tên Võ Văn Thanh T1 và Trần Thị Hồng N2 so với chữ ký mang tên Nguyễn Kim H1 trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “Bộ G1 - Trường Đại học S1” trên 04 Chứng chỉ tiếng Anh mang tên Châu Hoàng N, Đỗ Thị Kim O, Võ Văn Thanh T1 và Trần Thị Hồng N2 là hình dấu giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2023/HS-ST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Châu Hoàng Nhựt p “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Châu Hoàng N 01 năm 03 tháng tù về “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Châu Hoàng N 01 năm 03 tháng tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành chung của cả hai tội là 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngày 26/12/2023 bị cáo Châu Hoàng N kháng cáo yêu cầu xem xét lại thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Châu Hoàng N 01 năm 03 tháng tù về “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng điểm b

khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Châu Hoàng N 01 năm 03 tháng tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét lại thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự và cho bị cáo hưởng án treo là không có cơ sở nên không chấp nhận. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo do bị cáo rất ăn năn hối cải, là lao động chính nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con nhỏ và cha đang bị bệnh ung thư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào năm 2010, Châu Hoàng N có hành vi cung cấp thông tin của mình và của Đỗ Thị Kim O để làm cho bản thân và mua hộ Chứng chỉ tiếng Anh cho O. Năm 2011, bị cáo có hành vi cung cấp thông tin của Võ Văn Thanh T1, Trần Thị Hồng N2 và một người tên K (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua hộ Chứng chỉ tiếng Anh, theo Kết luận giám định các Chứng chỉ tiếng Anh này là giả. Vào năm 2011, bị cáo có hành vi nộp Chứng chỉ tiếng Anh giả cho Trường Đại học T2 để được xét công nhận tốt nghiệp; vào năm 2012 và 2016 bị cáo nộp Chứng chỉ tiếng Anh giả cho Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện C để được chuyển ngạch viên chức lên chuyên viên và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Dân số viên hạng III; vào năm 2020 bị cáo nộp Chứng chỉ tiếng Anh giả cho Trung tâm y tế huyện C để được xét tuyển dụng lại viên chức.

Với ý thức, hành vi của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Châu Hoàng Nhựt p “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét lại thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện thực hiện hành vi phạm tội

lần đầu tiên vào năm 2010, tuy nhiên bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới vào các năm 2012, 2016, 2020. Theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Bộ luật Hình sự thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội vào năm 2010 được tính lại kể từ ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới. Vì vậy không có cơ sở để xem xét. Đối với kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo phạm nhiều tội thuộc tội phạm nghiêm trọng nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo. Đối với kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, tại Thông tư số: 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y đã bãi bỏ quy định tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo 06 bậc khung C. Điều này cho thấy đã có sự chuyển biến về quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế, vì vậy tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong vụ án đã được giảm đáng kể. Mặt khác, bị cáo là lao động chính trong gia đình có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng 02 con nhỏ và cha đang bị bệnh hiểm nghèo. Bản thân bị cáo bị vết thương cẳng tay phải đứt bó mạch thần kinh trụ, gân gấp cổ tay trụ, gân gấp chung nông ngón 4, 5. Vì vậy có cơ sở để chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, sửa quyết định của bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có phần nghiêm khắc, chưa xem xét đầy đủ các tình tiết mới mà bị cáo được hưởng tại phiên tòa phúc thẩm trong đó có Thông tư số: 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Châu Hoàng N 09 (chín) tháng tù về “Tội làm giả tài liệu

của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Châu Hoàng N 06 (sáu) tháng tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành chung của cả hai tội là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo Châu Hoàng N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- VKSND huyện C (1b);
- Công an huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã S, huyện C (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn